

TỔNG CÔNG TY ACC  
XÍ NGHIỆP TV&KĐCL  
Số : 27<sup>h</sup>/QĐ-XNKĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2026.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng thành phố Bắc Ninh;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

### 1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động chuyên ngành xây dựng: Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng công trình hàng không ACC - Xí nghiệp Tư vấn và Kiểm định chất lượng ACC

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100726116-012 (đăng ký lần đầu ngày 18/3/2004, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 31/8/2022).

Địa chỉ: Số 178, Trường Chinh, P. Kim Liên, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0968832033

Email: [Las289acc@gmail.com](mailto:Las289acc@gmail.com)

Website: [acc.acccorp.vn](http://acc.acccorp.vn)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định chất lượng

Trưởng phòng thí nghiệm: Dương Việt Cường

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 1 Thượng Thụy, P. Phú Thượng, TP. Hà Nội

Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường:

- Trưởng trạm TNHT: Trần Hùng Cường Số điện thoại: 0985882283
- Địa chỉ: Trạm TNHT Sân bay Quốc tế Gia Bình, xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh

### 2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

#### 2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm     | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|-----------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| I  | THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA |                                                      |                                                    |                                                  |
|    | Lấy mẫu                     | TCVN 7572-1:06;                                      | - Cân kỹ thuật có độ chính                         | Trần Hùng Cường,                                 |

|  |                                                               |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                      |
|--|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|  |                                                               | AASHTO T2                                                                | xác 1%;<br>- Dụng cụ xúc mẫu<br>- Thiết bị chia mẫu                                                                                                                                                                                                                                                   | Ngô Hoàng Phi, Trịnh Văn Huân                                        |
|  | Thành phần cỡ hạt                                             | TCVN 7572-2:06;<br>ASTM C136: 06;<br>D546 :10;<br>AASHTO T27;T30;T37     | - Cân kỹ thuật chính xác 0,01g<br>- Bộ sàng<br>- khay đựng mẫu, chổi lông<br>- Tủ sấy 300 <sup>o</sup> C, điều chỉnh được nhiệt độ                                                                                                                                                                    | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước | TCVN 7572-4:06;<br>ASTM C128; C127;<br>AASHTO T84; T85;                  | - Cân kỹ thuật chính xác 0,01g<br>- Bình thủy tinh có dung tích 1000ml<br>- Côn thử độ sụt, que chọc kim loại, phễu đổ vật liệu vào côn<br>- Tủ sấy 300 <sup>o</sup> C, điều chỉnh được nhiệt độ<br>- khay đựng mẫu, chổi lông, giẻ lau, bình hút ẩm<br>- Sàng kích thước mắt sàng 5 và 0,14mm        | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | XĐ KLR; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn | TCVN 7572-5:06;<br>ASTM C127:12;<br>AASHTO T 85-13;                      | - Cân kỹ thuật có độ chính xác 1%;<br>- Cân thủy tinh có độ chính xác 1%, và có giỏ đựng mẫu;<br>- Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ;<br>- Khăn thấm nước mềm và khô;<br>- Thước kẹp;<br>- Bàn chải sắt;<br>- Tủ sấy, điều chỉnh được nhiệt độ sấy ổn định từ 105-110 <sup>o</sup> C | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng             | TCVN 7572-6:06;<br>ASTM C29/C29M;<br>AASHTO T19M/T19;<br>TCVN 10321:2014 | - Cân kỹ thuật 30kg có độ chính xác 0,5g<br>- Thùng đựng bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1, 2, 5, 10, 20 lít<br>- Phễu chứa vật liệu, dao gạt kim loại hoặc bằng gỗ<br>- Bộ sàng, tủ sấy 300 <sup>o</sup> C, điều chỉnh được nhiệt độ                                                              | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | Xác định độ ẩm, độ hút nước                                   | TCVN 7572-7:06;<br>ASTM C566- 97 ;<br>AASHTO T255-00;                    | - Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%<br>- Tủ sấy 300 <sup>o</sup> C, điều                                                                                                                                                                                                                               | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn         |

|  |                                                                    |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                      |
|--|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|  |                                                                    | TCVN 10321:2014                                                                | chỉnh được nhiệt độ<br>- Khay đựng mẫu                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Huân...                                                              |
|  | XĐHL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ | TCVN 7572-8:06;<br>ASTM C142;<br>ASTM C117-13;<br>AASHTO T11-05;               | - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1% và 1%<br>- Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ<br>- Khay đựng mẫu<br>- Thùng rửa cốt liệu<br>- Đồng hồ bấm giây<br>- Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch<br>- Que khuấy bằng gỗ hoặc bằng kim loại                                                                                 | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc                      | TCVN 7572-10:06;<br>ASTM D2938:95;<br>TCVN 10321:2014                          | - Máy nén thủy lực<br>- Máy khoan hoặc máy cắt mẫu<br>- Máy mài nước<br>- Thùng ngâm mẫu                                                                                                                                                                                                                                        | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | XĐ độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn                    | TCVN 7572-11:06;<br>ASTM C170                                                  | - Máy nén thủy lực, có lực nén đạt 500kN<br>- Xi lanh có đường kính 75mm; 150mm, có đáy tách rời<br>- Cân kỹ thuật 15kg, có độ chính xác 0,5g<br>- Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ<br>- Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006<br>- Sàng kích thước mắt sàng 1,25; 2,5 và 5mm<br>- Khay đựng mẫu, khăn mềm, chổi lông... | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | XĐ độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)            | TCVN 7572-12:06;<br>ASTM C131;<br>C535;<br>AASHTO T96: 02;<br>AASHTO T327: 09; | - Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%<br>- Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ<br>- Máy mài Los Angeles, bi thép<br>- Bộ sàng kích thước mắt: 37,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 6,3; 4,75; 2,36 và 1,7mm<br>- Khay đựng mẫu, chổi lông, muối xúc...                                                                                      | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | XĐ hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn                       | TCVN 7572-13:06;<br>ASTM D 4791-10;<br>AASHTO T335:09;                         | - Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%<br>- Tủ sấy 300°C, duy trì được nhiệt độ<br>- Thước kẹp cải tiến<br>- Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006                                                                                                                                                                                 | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |

126  
CHI  
TỈNH  
DỰNG  
ANG  
TY TNHH  
CHẾ  
GIẾ  
CHÁ  
CỐ Đ

|    |                                                          |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                      |
|----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|    |                                                          |                                                                       | - Khay đựng mẫu, chổi lông, muối xúc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                      |
| II | <b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DẦM TRONG PHÒNG</b> |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                      |
|    | Xác định khối lượng riêng                                | TCVN 4195:12;<br>ASTM D854: 00;<br>ASTM D5550: 06;<br>AASHTO T100: 06 | - Cân kỹ thuật chính xác 0,01g<br>- Tủ sấy 300 <sup>0</sup> C, điều chỉnh được nhiệt độ<br>- Cốc thủy tinh hoặc hộp nhôm, cối chày sứ đầu hoặc cối chày đồng, khay đựng mẫu, chổi lông, phễu nhỏ, bể ổn nhiệt, bếp cách cát, nước, dầu hỏa, tỷ trọng kế, bơm hút chân không...<br>- Sàng có kích thước lỗ 2mm<br>- Bình tỷ trọng dung tích 100cm <sup>3</sup> | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|    | Xác định độ ẩm và độ hút ẩm                              | TCVN 4196:12;<br>ASTM D2216: 10;<br>ASTM D4959: 07                    | - Cân kỹ thuật chính xác 0,01g<br>- Tủ sấy 300 <sup>0</sup> C, điều chỉnh được nhiệt độ<br>- Bình hút ẩm, cốc thủy tinh hoặc hộp nhôm, cối chày sứ đầu bọc cao su, khay đựng mẫu, chổi lông...<br>- Sàng có kích thước lỗ 1mm                                                                                                                                 | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|    | Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy                     | TCVN 4197:12;<br>ASTM D4318: 00;<br>AASHTO T89; T90                   | - Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g<br>- Sàng vuông 0,425mm, tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy<br>- Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande, đĩa sứ trộn đất đường kính 115mm, tấm kính nhám dao trộn đất dài 75mm, dụng cụ khía rãnh và đo chuyên dụng<br>- Bình hút ẩm, khăn lau có thấm ướt, nước cất                         | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|    | Xác định thành phần cỡ hạt                               | TCVN 4198:14;<br>ASTM C136: 06;<br>ASTM D1140: 00;<br>ASTM D422: 63;  | - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g<br>- Bộ sàng: 0,1; 0,25; 0,5; 1; 2; 5; 10; 20; 40; 60; 80;                                                                                                                                                                                                                                                               | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |

|  |                                 |                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                      |
|--|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|  |                                 | AASHTO T88; T27                                                                                 | 100mm<br>- Máy lác sàng (nếu có), khay đựng mẫu, chổi lông, cối chày sứ<br>- Bình hút ẩm, nhiệt kế, nước cất, quả lê cao su<br>- Tủ sấy 300 <sup>0</sup> C, điều chỉnh được nhiệt độ                                                                                                                                                                                                              |                                                                      |
|  | Đầm nén Proctor                 | TCVN 4201:12;<br>TCVN 12790:2020;<br>ASTM D1557: 02;<br>ASTM D698: 00a;<br>AASHTO T99;<br>T180; | - Cân kỹ thuật 30kg, độ chính xác 0,5g<br>- Sàng vuông kích thước 19mm và 4,75mm<br>- Tủ sấy có thể duy trì độ ẩm 110 <sup>0</sup> C<br>- Hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy<br>- Dụng cụ trộn: chảo trộn mẫu, bay, muôi thép, khay kim loại, chổi lông, dầu bôi trơn, dao gạt mẫu<br>- Dụng cụ làm toi mẫu: vỏ gỗ, búa cao su, thước thép sắc cạnh dài ≥ 254mm<br>- Máy đầm<br>- Chày đầm<br>- Cối đầm | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | Xác định khối lượng thể tích    | TCVN 4202:12;<br>AASHTO T204<br>ASTM D2937 : 71                                                 | - Dao vòng, dao cắt<br>- Thước kẹp, tấm kính, hộp nhôm hoặc hộp thủy tinh có nắp đậy, bình hút ẩm, khay đựng mẫu, chổi lông<br>- Cân điện tử 15kg, chính xác 0,5g<br>- Tủ sấy 300 <sup>0</sup> C, điều chỉnh được nhiệt độ                                                                                                                                                                        | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |
|  | Xác định tỷ số CBR của vật liệu | TCVN 12792:2020;<br>ASTM D1883 : 07;<br>AASHTO T193 : 10;                                       | - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g và 0,01g<br>- Sàng vuông 19mm<br>- Tủ dưỡng hộ, tủ sấy có thể duy trì độ ẩm 110 <sup>0</sup> C<br>- Hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy<br>- Dụng cụ trộn: Thìa, xẻng, muôi thép, khay kim loại, chổi lông, dầu bôi trơn, dao gạt mẫu<br>- Thước thép sắc cạnh dài ≥ 254mm<br>- Cối CBR: D = 152mm, chiều cao 177,8mm<br>- Chày đầm bằng kim loại,                   | Trần Hùng Cường, Ngô Hoàng Phi, Nguyễn Công Trình, Trịnh Văn Huân... |



|            |                                                                                                          |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                               |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                          |                                                                                                                                     | khối lượng 4,54kg, chiều cao rơi 457mm<br>- Máy đầm<br>- Dụng cụ tháo mẫu<br>- Thiết bị đo độ trương nở đồng hồ chuyển vị<br>- Quả cân gia tải.<br>- Thiết bị gia tải: Máy nén CBR và cần xuyên<br>- Bể ngâm mẫu                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                               |
| <b>III</b> | <b>THỬ NGHIỆM<br/>TẠI HIỆN<br/>TRƯỜNG</b>                                                                |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                               |
|            | Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai, xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường | TCN 8730:2012;<br>TCVN 12791:2020;<br>TCVN 8728: 12;<br>TCVN 8729: 12;<br>ASTM D2937;<br>AASHTO T204,<br>ASTM D5030 ;<br>ASTM D4914 | - Cân kỹ thuật (1g), 5kg (5g), 10kg (10g), 100kg (100g)<br>- Sàng mắt vuông kích thước: 0,3; 0,6; 1,18; 2; 2,36; 4,75; 5; 19; 20; 60mm<br>- Dao đai, khâu, búa, thuổng đào lấy mẫu, dao cắt mẫu, tấm kính 2 tấm, hộp đựng mẫu, chổi lông, vòng chắn bằng thép, xô, chậu, cón công nghiệp 90 <sup>0</sup><br>- Bộ phễu rót cát, đỉnh, đục, búa đỉnh, chổi lông, cón 90 <sup>0</sup><br>- Cát tiêu chuẩn, pipet, nước sạch, nilon<br>- Thước kẹp, thước gạt, thước nivo<br>- Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ<br>- Bơm hút nước | Trần Hùng Cường,<br>Dương Đức Anh<br>Dũng, Ngô Hoàng Phi,<br>Trịnh Văn Huân.. |
|            | Xác định độ chặt của nền, móng đường bằng PP rót cát                                                     | TCVN 8728: 12;<br>TCVN 8729: 12;<br>ASTM D1556: 00;<br>AASHTO T191                                                                  | - Cân kỹ thuật (1g), 5kg (5g), 10kg (10g), 100kg (100g)<br>- Sàng mắt vuông kích thước: 0,3; 0,6; 1,18; 2; 2,36; 4,75; 5; 19; 20; 60mm<br>- Dao đai, khâu, búa, thùng đào lấy mẫu, dao cắt mẫu, tấm kính 2 tấm, hộp đựng mẫu, chổi lông, vòng chắn bằng thép, xô, chậu, cón công nghiệp 90 <sup>0</sup><br>- Bộ phễu rót cát, đỉnh, đục, búa đỉnh, chổi lông,                                                                                                                                                                | Trần Hùng Cường,<br>Dương Đức Anh<br>Dũng, Ngô Hoàng Phi,<br>Trịnh Văn Huân.. |

|  |                                      |                                |                                                                                                                                                               |                                                                               |
|--|--------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|  |                                      |                                | côn 90 <sup>0</sup><br>- Cát tiêu chuẩn, pipet, nước sạch, nilon<br>- Thước kẹp, thước gạt, thước nivo<br>- Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ<br>- Bơm hút nước |                                                                               |
|  | Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m | TCVN 8864:11; ASTM E950; E1082 | - Thước dài 3m, con nêm, chổi quét mặt đường, biển báo chỉ dẫn giao thông                                                                                     | Trần Hùng Cường,<br>Dương Đức Anh<br>Dũng, Ngô Hoàng Phi,<br>Trịnh Văn Huân.. |

## 2.2 Danh mục thiết bị thí nghiệm chính

| TT | Thiết bị                                                                                  | Hãng/<br>Nước sản<br>xuất | Số<br>lượng | Số seri<br>/ID thiết bị | Tình<br>trạng<br>hiệu<br>chuẩn | Ghi<br>chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------|-------------------------|--------------------------------|------------|
| 1  | Cân điện tử 30kg ( $\pm 5g, \pm 1g$ )                                                     | Cái                       | 02          |                         | Còn hạn                        |            |
| 2  | Cân điện tử 15kg ( $\pm 0,1g$ )                                                           | Cái                       | 02          |                         | Còn hạn                        |            |
| 3  | Cân điện tử 600g ( $\pm 0,01g$ )                                                          | Cái                       | 01          |                         | Còn hạn                        |            |
| 4  | Tủ dưỡng hộ HBY                                                                           | Cái                       | 01          |                         | Còn hạn                        |            |
| 5  | Máy nén CBR                                                                               | Cái                       | 01          |                         | Còn hạn                        |            |
| 6  | Khuôn CBR                                                                                 | Cái                       | 24          |                         |                                |            |
| 7  | Đồng hồ so ( 0-10 cm)                                                                     | Cái                       | 15          |                         | Còn hạn                        |            |
| 8  | Thước đo thoi dẹt                                                                         | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 9  | Máy nén TYA(E)-2000                                                                       | Máy                       | 01          |                         | Còn hạn                        |            |
| 10 | Máy nén TYA(E)-300                                                                        | Máy                       | 01          |                         | Còn hạn                        |            |
| 11 | Máy đầm Proctor                                                                           | Máy                       | 01          |                         |                                |            |
| 12 | Thước 3m                                                                                  | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 13 | Bộ sàng cấp phối đá dăm(<br>50,37,5; 25;19;12,5;9,5;4,75;<br>2,36;1,18; 0,425, 0,075, 1,7 | Cái                       | 20          |                         |                                |            |
| 14 | Thùng đựng thể tích 20 lít                                                                | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 15 | Thùng đựng thể tích 10 lít                                                                | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 16 | Thùng đựng thể tích 5 lít                                                                 | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 17 | Thùng đựng thể tích 2 lít                                                                 | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 18 | Thùng đựng thể tích 1 lít                                                                 | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 19 | Giỏ cân thủy tĩnh                                                                         | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 20 | Khay phơi mẫu, đựng mẫu                                                                   | Cái                       | 10          |                         |                                |            |
| 21 | Máy khoan đá, lưỡi khoan                                                                  | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 22 | Máy cắt đá                                                                                | Cái                       | 01          |                         |                                |            |
| 23 | Bộ TN giới hạn chảy, dẻo                                                                  | Bộ                        | 01          |                         |                                |            |
| 24 | Máy quay độ mài mòn LA                                                                    | Máy                       | 01          |                         | Còn hạn                        |            |

### 2.3 Danh sách thí nghiệm viên

| T<br>T | Họ và tên          | Ngày,<br>tháng,<br>năm<br>sinh | Trình độ/<br>văn bằng, chứng chỉ | Vị trí/ chức vụ | Ghi<br>chú |
|--------|--------------------|--------------------------------|----------------------------------|-----------------|------------|
| 1      | Trần Hùng Cường    | 1983                           | KS công nghệ kỹ thuật GT         | Trưởng trạm     |            |
| 2      | Nguyễn Công Trình  | 1986                           | KS VLXD                          | Phó Trưởng trạm |            |
| 3      | Ngô Hoàng Phi      | 1994                           | Trung cấp xây dựng cầu đường     | Thí nghiệm viên |            |
| 4      | Phạm Xuân Cương    | 1982                           | KS XD dân dụng CN                | Thí nghiệm viên |            |
| 5      | Trần Huy Triệu     | 1987                           | Trung cấp cầu đường              | Thí nghiệm viên |            |
| 6      | Dương Đức Anh Dũng | 1997                           | Cử nhân Quản trị                 | Thí nghiệm viên |            |
| 7      | Trịnh Văn Huân     | 1993                           | Sơ cấp thí nghiệm                | Thí nghiệm viên |            |
| 8      | Quách Văn Tuyền    | 1990                           | Cử nhân Giao thông               | Thí nghiệm viên |            |

### 3. Cam kết của đơn vị

Đơn vị cam kết bảo đảm và duy trì thường xuyên các điều kiện về nhân lực, thiết bị và không gian thí nghiệm theo đúng quy định pháp luật;

Đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và chính xác của toàn bộ thông tin công bố nêu trên;

Đơn vị sẽ thực hiện công bố lại thông tin ngay khi có bất kỳ sự thay đổi nào về năng lực hoạt động so với nội dung đã công bố.

Trân trọng./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Ban KHTH. T04.

GIÁM ĐỐC



Trung tá Phạm Văn Hùng